

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: **208/2023/HS-PT**
Ngày: 25 – 10 – 2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huân, bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Thị Ngọc C** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 231/2023/TLHS-PT ngày 02/10/2023, đối với bị cáo **Phạm Văn H**, bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn H**; sinh năm 1983, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: **Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ học vấn: 08/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông **Phạm Văn L** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1952; bị cáo có vợ là **Nguyễn Thị Thu P**, sinh năm 1986 (đã ly hôn); và có 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Thanh K** - Luật sư **Công ty L2** và Cộng sự, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Đ**; Địa chỉ: **G Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn H mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại AVEO, biển số 47A-148.29 vào đầu tháng 09 năm 2020, với giá là 235.000.000 đồng, sau đó đến **Phòng C1 Công an tỉnh Đắk Lắk** để làm thủ tục đăng ký sang tên đổi chủ và

được đứng tên chủ xe là **Phạm Văn H**, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 066378 do **Phòng C1 Công an tỉnh Đắk Lắk** cấp ngày 18/9/2020, biển số xe 47A – 148.29. Đến ngày 24/9/2020, **H** đem chiếc xe ô tô trên đến **Ngân hàng Q - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk** để thế chấp vay vốn với số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi thế chấp, **Ngân hàng Q** giữ lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 47A - 148.29 và giao cho **H** chiếc xe ô tô biển số 47A - 148.29 cùng với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 47A – 148.29 bản photo (có xác nhận đang thế chấp tại **ngân hàng M**). Sau đó, **H** sử dụng chiếc xe ô tô 47A - 148.29 để làm dịch vụ vận tải tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình làm ăn do thua lỗ, không có tiền để trả Ngân hàng nên **H** đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 066378 để đi cầm cố xe ô tô 47A - 148.29 vay tiền. Lúc này **H** sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8, màu bạc (không nhớ số Imei) lên mạng xã hội Facebook thì thấy có người dùng Facebook (không nhớ tên) đăng bài nhận làm giả các loại giấy tờ giả nên **H** sử dụng Facebook của mình tên “Hà Phạm” nhắn tin qua Messenger với người này để đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trong quá trình nhắn tin để đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, thì người này báo giá là 700.000 đồng, trong thời gian 01 tuần sẽ nhận được Giấy chứng nhận đăng ký giả. **H** đồng ý với thỏa thuận trên và gửi hình ảnh Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 066378 cho người này để làm giả. Khoảng 01 tuần sau, **H** nhận được Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả và giao số tiền 700.000 đồng cho 01 nam thanh niên (là người giao hàng, không rõ nhân thân, lai lịch). Đến tháng 11 năm 2020, **H** đem chiếc xe ô tô biển số 47A - 148.29 đi từ **Thành phố Hồ Chí Minh về thành phố B** và đến **tiệm C2**, địa chỉ: **H Y, phường E thành phố Buôn Ma T** để cầm cố với số tiền 100.000.000 đồng. Thời điểm này, **H** nói cho chủ tiệm cầm đồ biết là xe **H** đang thế chấp tại ngân hàng, thì chủ tiệm vẫn đồng ý cầm cố. Lúc này, **H** giao chiếc xe ô tô 47A - 148.29 cho chủ tiệm cầm đồ, còn Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả thì **H** vẫn cất giữ. Sau đó một thời gian, **H** sử dụng Facebook có tên “Hà Phạm” của mình đăng tải bài viết và hình ảnh với nội dung “có chiếc xe ô tô biển số 47A - 148.29 cần bán”. Đến ngày 23/12/2020, anh **Trần Viết T1** (sử dụng Facebook có tên “**Tú T2**”) nhắn tin đến Facebook của **H** để hỏi mua xe. **H** gửi hình ảnh chiếc xe cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô qua cho anh **T1** xem, hai bên thỏa thuận với nhau giá bán xe là 228.000.000 đồng. Đến ngày 27/12/2020, **H** đi từ **tỉnh Bình Dương về thành phố B** để dẫn anh **T1** cùng với chị **Trần Thị D** (là vợ anh **T1**) đi đến **tiệm C2** để xem xe. Quá trình xem xe **H** nói dối với anh **T1** là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô **H** đang quản lý, không nói cho anh **T1** biết về việc chiếc xe đang thế chấp ngân hàng và đưa cho anh **T1** xem Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. Hai bên thỏa thuận đặt cọc số tiền 140.000.000 đồng, đến khi nào anh **T1** thanh toán xong tiền mua xe thì **H** sẽ hoàn tất thủ tục sang tên cho anh **T1**. Lúc này, chị **D** viết 01 Giấy cọc tiền với nội dung chị **D** mua lại của **H** chiếc xe ô tô biển số 47A - 148.29 với giá 228.000.000 đồng, đặt cọc trước số tiền

140.000.000 đồng, chị **D** viết xong và ký vào phần người mua xe còn **H** ký tên vào phần người bán xe. Sau khi ký xong giấy tờ, chị **D** chuyển qua tài khoản số 0000183045555 mở tại **Ngân hàng Q** của **H** số tiền 130.000.000 đồng và hẹn đến ngày 28/12/2020 sẽ chuyển tiếp số tiền 10.000.000 đồng. Khi nhận tiền xong, **H** trả cho chủ tiệm cầm đồ **Tuấn P1** số tiền 112.000.000 đồng để thanh toán số tiền cầm cố, lấy lại chiếc xe ô tô biển số 47A - 148.29, rồi giao xe ô tô cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 066378 đã làm giả cho anh **T1** và chị **D**. Thời điểm này, anh **T1** và chị **D** không biết Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả và cũng không biết việc chiếc xe ô tô đang thế chấp tại **Ngân hàng Q**. Đến ngày 28/12/2020, chị **D** tiếp tục chuyển đến số tài khoản của **H** số tiền 10.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Đến ngày 23/02/2021, **H** nhắn tin cho anh **T1** yêu cầu chuyển thêm số tiền 20.000.000 đồng để xử lý công việc cá nhân, nên chị **D** đã nhờ anh trai là anh **Trần Đình D1** chuyển tiền theo yêu cầu của **H**. Lúc này, anh **D1** sử dụng tài khoản số 5220205004675 mở tại **Ngân hàng A** chuyển đến tài khoản số 0000183045555 của **H**, số tiền 20.000.000 đồng với nội dung chuyển tiền là “Ck thêm 20 triệu tiền đặt cọc xe 47A 14829”. Sau khi nhận số tiền tổng là 160.000.000 đồng đặt cọc mua bán xe, do làm ăn không thuận lợi nên **H** không có tiền để trả số tiền vay tại **Ngân hàng Q** và trốn tránh không gặp anh **T1**, chị **D** để hoàn tất việc mua bán xe, sang tên xe cho anh **T1**. Ngày 01/12/2022, anh **T1** đến **Phòng C1 Công an tỉnh Đắk Lắk** để làm thủ tục sang tên Giấy đăng ký xe ô tô biển số 47A - 148.29, quá trình kiểm tra giấy tờ thì **Phòng C1 Công an tỉnh Đắk Lắk** cho anh **T1** biết Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 066378 mà anh **T1** đang sử dụng là giả nên đã trình báo vụ việc đến **Công an thành phố B** để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản Kết luận giám định số 75/KL-KTHS của **Phòng K1 Công an tỉnh Đắk Lắk** ngày 27/01/2023 kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên **Phạm Văn H** dưới mục “Người bán xe” so với chữ ký tại phần “Người tự khai” của **Phạm Văn H** do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên **Trần Thị D** dưới mục “Người mua xe” so với chữ ký tại phần “Người tự khai” của **Trần Thị D** do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản Kết luận giám định số 188/KL-KTHS của **Phòng K1 Công an tỉnh Đắk Lắk** ngày 15/02/2023 kết luận: Số khung, số máy xe ô tô biển số 47A - 148.29 nêu trên không thay đổi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 12/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng **thành phố B** kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại AVEO, màu sơn: Trắng, biển số 47A - 148.29, số khung: RLLSF69YDGH934222, số máy: F15S3160120415, dung tích: 1498, sản xuất năm 2016, đã qua sử dụng, trị giá 230.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 205/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn H** phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của các tội trên, buộc bị cáo **Phạm Văn H** phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2023 bị cáo **Phạm Văn H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Phạm Văn H** giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng trong vụ án này, **Phạm Văn H** không phải là người trực tiếp làm giả GCNĐK xe ô tô, mà chỉ có hành vi thuê người khác làm giả để sử dụng GCNĐK xe ô tô giả nhằm mục đích lừa bán chiếc xe ô tô 47A-148.29 và chiếm đoạt của anh **Trần Viết T1**, chị D số tiền 160.000.000đ. Các hành vi trên đủ yếu tố cấu thành các tội danh độc lập là tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS. Quan điểm của Luật sư cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên việc cấp sơ thẩm còn truy tố, xét xử bị cáo **Phạm Văn H** về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là chưa đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về tội danh.

Về mức hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo **Phạm Văn H1** 02 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo **Phạm Văn H1** 03 năm 03 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt chung của các tội trên, buộc bị cáo **Phạm Văn H** phải chấp hành hình phạt chung 05 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Bị cáo chỉ nhờ người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe và sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe giả để giao dịch đặt cọc mua bán xe, do đó theo mục 2 Phần I Công văn số 196 ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân Tối cao thì việc các cơ quan tiến hành tố tụng quy kết bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là không đúng quy định của pháp luật. Bị cáo sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe giả nhằm mục đích để anh **T1**, chị **D** tin tưởng ký hợp đồng đặt cọc và chiếm đoạt của anh **T1**, chị Duyên số tiền 160.000.000 đồng. Theo nội dung Công văn số 50 ngày 07/4/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này bị xử lý về tội nặng hơn là tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng nhưng đã khắc phục toàn bộ thiệt hại và được người bị hại làm đơn xin bãi nại. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS cho bị cáo là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xác định lại tội danh của bị cáo cho phù hợp quy định của pháp luật.

Bị cáo **Phạm Văn H** không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, đồng ý với quan điểm của Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo **Phạm Văn H** tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường các quy định về trật tự quản lý hành chính, quyền sở hữu tài sản của người khác, mặc dù đang thế chấp xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 47A - 148.29 tại **Ngân hàng Q** nhưng bị cáo **Phạm Văn H** vẫn thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006378 đối với xe ô tô nói trên, sau đó đưa ra các thông tin gian dối và sử dụng Giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để chiếm đoạt của vợ chồng anh **Trần Viết T1**, chị **Trần Thị Duyên** số tiền 160.000.000 đồng.

[2] Xét quan điểm của Luật sư cho rằng bị cáo chỉ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù bị cáo đang thế chấp xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 47A - 148.29 thuộc sở hữu của mình tại **Ngân hàng Q - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk** để vay vốn, bị cáo biết tài sản đang thế chấp thì không được phép chuyển nhượng cho người khác, nhưng để có thể cầm cố, chuyển nhượng xe, bị cáo đã thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47A - 148.29. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, bị cáo che giấu thông tin về việc đang thế chấp xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 47A - 148.29 tại **Ngân hàng Q - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk** để vay vốn, đồng thời sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe giả để anh **Trần Viết T1**, chị **Trần Thị D** tin tưởng vào thông tin gian dối của bị cáo, ký hợp đồng đặt cọc mua xe và chiếm đoạt của vợ chồng anh **Trần Viết T1** và chị **Trần Thị D** số tiền 160.000.000 đồng.

Trong vụ án này, bị cáo sử dụng thủ đoạn che giấu, đưa ra thông tin không đúng sự thật, cụ thể là che giấu thông tin xe ô tô biển số 47A - 148.29 đang thế chấp tại Ngân hàng và thông tin Giấy chứng nhận đăng ký xe mà bị cáo đang sử dụng là giả để vợ chồng anh **Trần Viết T1** tin tưởng giao tiền mua xe cho bị cáo. Việc bị cáo che giấu thông tin, đưa ra thông tin không đúng là thủ đoạn gian dối mà bị cáo sử dụng, còn Giấy chứng nhận đăng ký xe giả và xe ô tô biển số 47A - 148.29 đang thế chấp tại Ngân hàng là những thông tin mà bị cáo muốn che giấu. Do đó, quan điểm của Luật sư cho rằng, việc bị cáo sử dụng tài liệu giả là thủ đoạn gian dối của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên không cấu thành tội danh độc lập không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị cáo thực hiện nhiều hành vi kế tiếp nhau, hành vi trước là tiền đề, điều kiện để thực hiện hành vi sau, mỗi hành vi đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập. Trong đó, bị cáo sử dụng tài liệu giả để thực hiện hành vi trái pháp luật đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, và với thủ đoạn gian dối, che giấu các thông tin để người bị hại tin tưởng, đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 160.000.000 đồng mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo không trực tiếp làm giả mà thuê người khác làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để thực hiện hành vi trái pháp luật, nên bị cáo chỉ phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS để xét xử đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu

của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là chưa đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Quan điểm của Luật sư cho rằng bị cáo chỉ có hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo hướng dẫn tại mục 2 Phần I Công văn số 196 ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân Tối cao là phù hợp. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị sửa bản án sơ thẩm về tội danh là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phạm Văn H**, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm, bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của người bị hại số tiền 160.000.000 đồng, gần mức cao nhất của khung hình phạt, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền 160.000.000đ chiếm đoạt của bị hại. Tại cấp phúc thẩm, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ TNHS mới cần áp dụng thêm cho bị cáo.

Đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”: mức hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, bởi bị cáo chỉ phạm một tội là “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Mục đích sử dụng tài liệu giả để chiếm đoạt tài sản của người khác và bị cáo đã phải chịu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, là lao động chính trong gia đình, nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo **Phạm Văn H** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Văn H**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về tội danh và hình phạt.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H** 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

[2.2] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H** 04 (bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[2.3] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội trên, buộc bị cáo **Phạm Văn H** phải chấp hành hình phạt chung là 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.4] Về án phí: Bị cáo **Phạm Văn H** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư Pháp tỉnh Đắk Lắk;
- THA hình sự Tp. B;
- CC THADS Tp. B;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương